

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS-PT

Ngày: 15 – 12 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Lê Thanh danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1940 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp BT, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1962 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp BT A, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Phạm Văn B trình bày: Ông B cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B mượn 18 chỉ vàng 24k vào khoảng năm 1991-1992, khi cho mượn không có làm giấy tờ, không có thỏa thuận thời hạn bao

lâu. Ông B khởi kiện yêu cầu ông T, bà B trả 18 chỉ vàng 24k và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 14/01/2003 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 chỉ vàng 24k và rút yêu cầu tính lãi; ông B chỉ còn yêu cầu ông T, bà B trả 15 chỉ vàng 24k. Ngoài ra, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đồng bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào khoảng năm 1994, ông T, bà B có hỏi vay của ông B 18 chỉ vàng 24k, lãi suất 50%/10 tháng; việc vay không làm biên nhận và cũng không xác định thời hạn vay. Sau đó, ông T, bà B đã trả cho ông B số vàng lãi 20-21 chỉ và đã trả đủ 18 chỉ vàng 24k gốc, còn thiếu lại 15 chỉ vàng lãi; việc trả vàng không có làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến. Khi vợ chồng ông B ly hôn vào năm 2003, ông T, bà B có trình bày tại Tòa án là đã trả đủ gốc và 01 phần lãi, chỉ còn thiếu ông B 15 chỉ vàng 24k lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, bà B thừa nhận còn thiếu ông B 15 chỉ vàng 24k nhưng xin ông B 12 chỉ, còn lại 03 chỉ sẽ trả làm nhiều lần cho ông B. Ông T, bà B không có yêu cầu phản tố.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn B:

Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho Ông Phạm Văn B 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24k (vàng 98%).

2. Đình chỉ xét xử do Ông Phạm Văn B rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trả cho Ông Phạm Văn B 03 (Ba) chỉ vàng 24k và yêu cầu tính lãi từ ngày 14/01/2003.

3. Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B nộp 3.754.500đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2021, đồng bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B kháng cáo bản án với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn B về việc yêu cầu vợ chồng ông bà trả 15 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với số vàng 15 chỉ vàng 24k mà ông B đang khởi kiện, vợ chồng ông T và ông B đều xác định số vàng này đã được đưa ra giải quyết vào năm 2002 tại Bản án hôn nhân trước đó tại Tòa án nhân dân huyện PL. Nội dung Bản án sơ thẩm hôn nhân gia đình số 12/HNST ngày 07/11/2002 của TAND huyện PL, ngoài giải quyết xin ly hôn giữa bà Lê Thị Đ với Ông Phạm Văn B, Tòa án còn giải quyết cả phần tài sản chung của vợ chồng ông B và bà Đ, trong đó Tòa án tuyên cho ông B được quyền thu số nợ 15 chỉ vàng 24k của ông T và bà B, về án phí bản án còn tuyên ông B nộp 3.210.000đ (tính luôn 15 chỉ vàng 24k). Và Bản án hôn nhân này được Bản án phúc thẩm số 01/HNPT ngày 14/01/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ khi bản án có hiệu lực đến khi ông B đi khởi kiện, ông B không có đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành bản án này cho ông. Như vậy, việc ông không yêu cầu Cơ quan thi hành án để thi hành số vàng cho ông xem như ông từ bỏ quyền lợi của mình; đối với số vàng 15 chỉ 24k mà ông B khởi kiện vào ngày 16/3/2020 là sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nên việc Tòa án nhân dân huyện PL đưa ra xét xử bằng Bản án sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và buộc vợ chồng ông T và bà B trả 15 chỉ vàng 24k là không đúng với quy định của pháp luật.

Trường hợp này, Tòa án không thụ lý mới, nhưng do đã thụ lý nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án. Bản án hôn nhân đã có hiệu lực pháp luật, việc bản án không tuyên buộc hoặc không thi hành được, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ông B, ông B có đơn yêu cầu hoặc thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định.

Từ phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B, Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B gửi đến Tòa án vào ngày 12/10/2021 còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Biểu không đồng ý trả cho Ông Phạm Văn B 15 chỉ vàng 24k thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà B thừa nhận có vay của ông B 18 chỉ vàng 24k. Quá trình vay đã đóng được 20- 21 chỉ vàng lãi và đã trả cho ông B 18 chỉ vàng 24k gốc, còn nợ lại 15 chỉ vàng 24k lãi, khi trả vàng gốc và vàng lãi cho ông B không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Xét thấy, ông T và bà B thừa nhận còn nợ lại ông B 15 chỉ vàng 24k đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T và bà B cho rằng số nợ 15 chỉ vàng 24k nêu trên là số vàng lãi và thời điểm năm 2003 Nhà nước không quy định trả lãi suất đối với vàng vay, vì vậy thời điểm hiện nay không có cơ sở buộc vợ chồng ông trả lãi đối với vàng vay này. Do ông T và bà B không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình còn nợ ông B 15 chỉ vàng 24k lãi. Do đó, chấp nhận theo sự thừa nhận của hai bên đương sự là ông T, bà B còn nợ ông B 15 chỉ vàng 24k.

[2.2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc đề nghị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án, lý do là sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thấy rằng: Tại Quyết định số 43/2020/QĐ-PT ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thể hiện: *“Bản án phúc thẩm số 01/HNPT ngày 14/01/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu chỉ phân chia tài sản của vợ chồng ông B và quyết định cho ông B được quyền thu hồi nợ nhưng không buộc ông T và bà B có trách nhiệm trả vàng cho ông B. Như vậy, tranh chấp vay mượn vàng giữa ông B với ông T và bà B chưa được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án; do đó Tòa sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 97/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 là chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B. Vì vậy, Hội đồng phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Phạm Văn B, không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 97/2020/QĐST-DS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện PL và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện PL để tiếp tục giải quyết vụ án”*. Ngày 22/02/2021, Tòa án nhân dân huyện PL nhận lại hồ sơ, thụ lý và giải quyết vụ án về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp. Nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà B; có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông T và bà B có nghĩa vụ trả cho ông B 15 chỉ vàng 24k như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên về việc đề nghị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà B trả cho ông B 15 chỉ vàng 24k và có áp dụng tính lãi suất trong quá trình thi hành án. Xét thấy, theo quy định của pháp luật không tính lãi suất đối với việc trả vàng nên cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự và tuyên “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*” là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà B phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng: Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn B yêu cầu ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị B trả 15 chỉ vàng 24k

2. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Phạm Văn B 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24k (vàng 98%).

3. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn B yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trả cho Ông Phạm Văn B 03 (Ba) chỉ vàng 24k và yêu cầu tính lãi từ ngày 14/01/2003.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự có giá ngạch buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B liên đới nộp 3.754.500đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng)

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn B không phải nộp. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông T, bà B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004814 và 0004816

cùng ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL được chuyển sang thu án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện PL;
- CCTHADS huyện PL;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Anh